HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12 /2022/NQ-HĐND	*Khánh Hòa, ngày 23 tháng 9 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA KHÓA VII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Xét Tờ trình số 8695/TTr-UBND ngày 16/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 125/BC-BVHXH ngày 22/9/2022 của Ban văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 241/BC-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở giáo dục công lập bao gồm cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Cơ sở giáo dục mầm non công lập gồm: trường mẫu giáo, trường mầm non.

- Cơ sở giáo dục phổ thông công lập gồm: trường tiểu học, trường tiểu học và trung học cơ sở, trường trung học cơ sở, trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, trường trung học phổ thông.

b) Trẻ em, học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục quy định tại điểm a khoản này và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên; cơ sở giáo dục công lập tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 2. Các khoản thu và mức thu

Các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi

1. Thực hiện thu, chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; trước khi thu phải có dự toán thu, chi từng khoản đảm bảo tính đúng, tính đủ bù đắp chi phí, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của cha mẹ học sinh; các cơ sở giáo dục công lập phải thỏa thuận với cha mẹ học sinh để quyết định mức thu; các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định mức thu không vượt quá mức thu tối đa theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Quản lý tài chính phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 7, Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ.

3. Cơ sở giáo dục công lập không được thỏa thuận các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác ngoài các khoản thu dịch vụ theo quy định của Nghị quyết này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQLPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh; UBND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Lưu: VT,NhN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Mạnh Dũng

Phụ lục

Các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập

(Kèm theo Nghị quyết số 12 /2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa	
			Nông thôn	Thành thị
I	**Giáo dục mầm non**			
1	Dịch vụ bán trú (*chưa bao gồm tiền ăn của trẻ*)			
a	*Dịch vụ bán trú 5 ngày trong tuần (không ăn sáng)*	1.000đ/trẻ/tháng	140	170
b	*Dịch vụ hỗ trợ hoạt động bán trú*	1.000đ/trẻ/tháng	65	
c	*Dịch vụ ăn sáng 5 ngày trong tuần*	1.000đ/trẻ/tháng	120	
d	*Dịch vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vào ngày thứ 7,ngày hè*	1.000đ/trẻ/ngày	70	
2	Học năng khiếu	1.000đ/trẻ/tiết	10	
3	Làm quen tiếng Anh	1.000đ/trẻ/tiết	10	
4	Sổ liên lạc điện tử	1.000đ/trẻ/tháng	10	12
5	Trang trí lớp	1.000đ/trẻ/tháng	10	
6	Nước uống (*học 1 buổi/ngày*)	1.000đ/trẻ/tháng	9	
II	**Giáo dục tiểu học**			
1	Dịch vụ bán trú (*chưa bao gồm tiền ăn của học sinh*)			
a	*Dịch vụ bán trú 5 ngày trong tuần (không ăn sáng)*	1.000đ/trẻ/tháng	125	140
b	*Dịch vụ hỗ trợ hoạt động bán trú*	1.000đ/trẻ/tháng	45	
2	Môn tự chọn Tiếng Anh lớp 1,2	1.000đ/hs/tiết	10	
3	Hoạt động giáo dục Tin học lớp 1,2	1.000đ/hs/tiết	15	
4	Học ngoại khóa Môn Toán và môn Khoa học sử dụng dạy học bằng Tiếng Anh	1.000đ/hs/tiết	20	25
5	Dọn nhà vệ sinh phục vụ học sinh	1.000đ/hs/tháng	7	
6	Sổ liên lạc điện tử	1.000đ/hs/năm học	40	
7	Bảng tên học sinh	1.000đ/hs/năm học	8	
8	Nước uống (*học 1 buổi/ngày*)	1.000đ/hs/tháng	9	
III	**Giáo dục trung học cơ sở**			
1	Học thêm	1.000đ/hs/tiết	10	12
2	Dọn nhà vệ sinh phục vụ học sinh	1.000đ/hs/tháng	7	
3	Sổ liên lạc điện tử	1.000đ/hs/năm học	50	
4	Bảng tên học sinh	1.000đ/hs/năm học	12	
5	Nước uống (*học 1 buổi/ngày*)	1.000đ/hs/tháng	9	
IV	**Giáo dục trung học phổ thông**			
1	Học thêm	1.000đ/hs/tiết	12	15
2	Dọn nhà vệ sinh phục vụ học sinh	1.000đ/hs/tháng	7	
3	Sổ liên lạc điện tử	1.000đ/hs/năm học	50	
4	Bảng tên học sinh	1.000đ/hs/năm học	16	
5	Nước uống (*học 1 buổi/ngày*)	1.000đ/hs/tháng	9	